

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2180/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thực hiện hỗ trợ người lao động
không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do)
gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách
nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ
về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó
khăn do đại dịch Covid-19; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm
2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao
động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 123/HĐND-KTNS ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thực hiện hỗ trợ người lao động không có
giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19
trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao
động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hà
Giang theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7
năm 2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng hỗ trợ

a) Phạm vi điều chỉnh: Trên địa bàn tỉnh Hà Giang

b) Đối tượng hỗ trợ

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, bao gồm:

- Lao động làm việc trong các cơ sở vui chơi giải trí (Karaoke, Internet, quán bar, Khu vui chơi cho trẻ em); Lao động làm việc trong các cơ sở luyện tập thể thao (Gym, Yoga, aerobic, bể bơi, bi-a) trên địa bàn tỉnh.

- Lao động tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống (nhà hàng, quán ăn; quán rượu, bia; quán cafe, giải khát); lưu trú (khách sạn, nhà nghỉ, Homestay); du lịch (khu, điểm du lịch, trạm dừng chân, làng văn hóa du lịch); chăm sóc sức khỏe (massage, xoa bóp y học, châm cứu); lĩnh vực làm đẹp (cắt tóc, gội đầu, nail) trên địa bàn tỉnh.

- Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định trên địa bàn tỉnh.

- Thu gom rác, phế liệu trên địa bàn tỉnh.

- Bốc vác (tại chợ, bến xe), vận chuyển hàng hóa (chuyên hàng hóa bằng xe thô sơ, xe mô tô hai bánh, xe xích lô, xe ba gác, xe đẩy tại các chợ đầu mối) trên địa bàn tỉnh.

- Lái xe mô tô hai bánh chở khách (xe ôm) trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Là người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Hà Giang (trường hợp tạm trú phải có đăng ký tạm trú được cơ quan công an xác nhận) bị mất việc làm hoặc nghỉ việc do phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống dịch Covid-19 có thời gian từ 14 ngày trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn 1.500.000 đồng/tháng ở khu vực nông thôn (theo chuẩn nghèo khu vực nông thôn) và thu nhập thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng ở khu vực thành thị (theo chuẩn nghèo khu vực thành thị) quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

b) Đối tượng hỗ trợ thuộc diện hưởng từ hai chính sách trở lên (cả chính sách Trung ương và địa phương) thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

4. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

a) Mức hỗ trợ: Căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động (trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống dịch Covid-19, như sau:

- Thời gian phải nghỉ việc hoặc mất việc làm từ 14 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng thì mức hỗ trợ là 50.000 đồng/người/ngày (năm mươi nghìn đồng/người/ngày).

- Thời gian phải nghỉ việc hoặc mất việc làm liên tục từ 01 tháng trở lên thì mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người (một triệu năm trăm nghìn đồng/người).

b) Phương thức chi trả: trả 01 lần cho người lao động.

5. Hồ sơ đề nghị, trình tự, thủ tục thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả (vận dụng theo quy định tại Chương VI và Mục 2 Chương VII của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19), cụ thể như sau:

a) Nhóm 1, gồm: Lao động làm việc trong các khu vui chơi giải trí; trong các khu luyện tập thể thao; lao động làm thuê tại hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp trên địa bàn tỉnh.

- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm, làm đơn đề nghị (theo mẫu số 1) có xác nhận của chủ sử dụng lao động và tổ trưởng, trưởng thôn/bản nơi người lao động cư trú gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi đặt cơ sở, điểm hoạt động.

- Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thông kê, lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (theo mẫu số 2) và thông qua Hội đồng xét duyệt, gồm: Lãnh đạo cấp xã, công chức phụ trách Tài chính - Kế toán, Văn phòng - Thống kê, công chức Văn hóa - Xã hội (chuyên trách Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc kiêm Văn hóa xã hội, Lao động - TBXH), Công an, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ) Trưởng thôn, bản /Tổ trưởng. Thực hiện niêm yết công khai danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (02 ngày); lập danh sách đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (theo mẫu số 4) báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện (giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các ngành liên quan) rà soát, thẩm định; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp (theo mẫu số 4) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, trình tỉnh.

- Trong 01 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ.

- Trong 01 ngày làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách thụ hưởng và kinh phí. Trường hợp người lao động không được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo và nêu rõ lý do cho người lao động biết.

- Trong 3 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả hỗ trợ trực tiếp xong cho từng người lao động.

b) Nhóm 2, gồm: Người lao động tự làm công việc (không phụ thuộc vào hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh) như: Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; Thu gom rác, phế liệu; Bóc vác, chuyên hàng hóa; Lái xe mô tô hai bánh chở khách (xe ôm); Tự làm trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp trên địa bàn tỉnh.

- Người lao động làm đơn đề nghị (theo mẫu số 1) có xác nhận của tổ trưởng, trưởng thôn/bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân

dân cấp xã rà soát, thống kê, lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (theo mẫu số 3) và thông qua Hội đồng xét duyệt cấp xã, gồm: Lãnh đạo cấp xã, công chức phụ trách Tài chính - Kế toán, Văn phòng - Thống kê, công chức Văn hóa - Xã hội (chuyên trách Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc kiêm Văn hóa xã hội, Lao động - TBXH), Công an, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ), Trưởng thôn, bản/Tổ trưởng. Thực hiện niêm yết công khai danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (02 ngày); lập danh sách đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (theo mẫu số 5) báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện (giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các ngành liên quan) rà soát, thẩm định; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp (theo mẫu số 5) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, trình tỉnh.

- Trong 01 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ.

- Trong 01 ngày làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách thụ hưởng và kinh phí. Trường hợp người lao động không được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo và nêu rõ lý do người lao động biết.

- Trong 3 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả hỗ trợ trực tiếp xong cho từng người lao động.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt đối tượng và cấp kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thông báo bổ sung có mục tiêu kinh phí về các huyện, thành phố.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt đối tượng và kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cấp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho các xã, phường, thị trấn.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chi trả chính sách hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng và thực hiện quyết toán kinh phí cùng với thời gian quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm. Việc thanh toán và quyết toán kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước về chế độ kế toán.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, các huyện, thành phố tuyên truyền và triển khai thực hiện các nội dung của Quyết định.

- Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng được thụ hưởng và kinh phí cho các nhóm đối tượng theo quy định tại Quyết định này.

- Chủ trì và phối hợp với các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Mặt trận Tổ quốc tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vướng mắc, phát sinh để xem xét giải quyết và báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện Quyết định này.

b) Sở Tài chính

- Căn cứ Quyết định phê duyệt đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cân đối nguồn kinh phí đảm bảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 cho các huyện, thành phố; phối hợp kiểm tra, giám sát việc chi hỗ trợ theo quy định.

- Thông báo bổ sung có mục tiêu kinh phí về các huyện, thành phố ngay sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cấp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, để kịp thời chi trả cho đối tượng thụ hưởng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho tỉnh theo quy định.

c) Kho bạc Nhà nước tỉnh

Căn cứ Quyết định và danh sách của cấp có thẩm quyền phê duyệt, chỉ đạo Kho bạc nhà nước các cấp giải ngân kịp thời gói hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

d) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp cùng các ngành, các huyện, thành phố tuyên truyền, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tập trung rà soát, thẩm định, tổng hợp, lập danh sách hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng trình tự, thủ tục, chính xác, không để sai sót hoặc trùng đối tượng, theo hướng nhóm đối tượng nào rà soát xong và có đủ hồ sơ theo quy định; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện thẩm định, tổng hợp danh sách gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt để cấp kinh phí hỗ trợ kịp thời cho đối tượng thụ hưởng.

- Chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho đối tượng kịp thời theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời thanh tra, kiểm tra việc thực hiện lập danh sách phê duyệt và chi trả tiền hỗ trợ trên địa bàn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong công tác triển khai thực hiện và giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách, đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Quyết toán kinh phí được ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên

Phối hợp tuyên truyền triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định tại Quyết này. Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp và tổ chức giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động-TB&XH;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- CVNCTH, VP UBND tỉnh;
- VnPtiOffice
- Lưu: VT, VHXH. *fjm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....Ngày,..... tháng.....năm 2021

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động
(lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19**

(Theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

- Họ và tên.....; năm sinh.....; nam, nữ:.....
- Số CMND/CCCD.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu:.....
- Nơi ở hiện tại.....
- Tình trạng cư trú: Thường trú.....; Tạm trú.....
- Điện thoại liên hệ:.....
- Làm thuê tại cơ sở/đơn vị hoặc tự làm:.....
- Tên cơ sở/đơn vị làm thuê và địa chỉ:.....
-
- Công việc cụ thể đang làm.....
- Thời gian mất việc làm hoặc ngừng việc: Từ ngày / /2021 đến ngày / /2021.
- Thu nhập của tháng mất việc làm.....

Căn cứ Quyết số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Tôi đề nghị.....xem xét, để được hỗ trợ theo quy định tại Quyết số /QĐ-UBND. Số tiền đề nghị hỗ trợ là:.....(Viết bằng chữ

Tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đề nghị; cam kết không lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tại nơi khác nơi tôi đang thường trú/tạm trú./.

Xác nhận của người SDLĐ

(Ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu (nếu có))

Xác nhận của Tổ trưởng/TT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH**
NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (LAO ĐỘNG TỰ DO)
BỊ MẤT VIỆC LÀM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19*(Đối với Người lao động làm việc trong các khu vui chơi giải trí; trong các khu luyện tập thể thao; lao động làm thuê tại hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp – Nhóm 1)*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		CMND/CCCD		Địa chỉ			Tình trạng cư trú ⁽¹⁾		Điện thoại liên hệ	Công việc cụ thể đang làm	Thu nhập của tháng bị mất việc làm	Tên hộ KD/đơn vị nơi LĐ làm thuê, địa chỉ	Số tiền đề nghị hỗ trợ (đ)	
		Nam	Nữ	Số CMND/CCCD	Ngày cấp (ngày tháng năm)	Số nhà, tên đường, khu phố/ấp	Xã/phường/thị trấn	Quận/huyện/thành phố	Thường trú	Tạm trú (nếu có)						
1																
2																
...																

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)....., ngày tháng năm 2021
Ủy ban nhân dân Xã/Phường/Thị trấn.....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(1) Đánh dấu (X) vào ô Thường trú hoặc Tạm trú; trường hợp tạm trú phải có đăng ký tạm trú được cơ quan công an xác nhận (chủ sử dụng lao động chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc có giấy xác nhận này).

* Mẫu này áp dụng cho công tác xét duyệt và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (LAO ĐỘNG TỰ DO)
BỊ MẤT VIỆC LÀM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19**

(Đối với người lao động tự làm công việc (không phụ thuộc vào hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh) như: Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; Thu gom rác, phế liệu; Bốc vác, chuyển hàng hóa; Lái xe mô tô hai bánh chở khách (xe ôm); Tự làm trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp – Nhóm 2)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		CMND/CCCD		Địa chỉ (số nhà, tên đường, tổ/thôn/bản)	Tình trạng cư trú ⁽¹⁾		Điện thoại liên hệ	Công việc cụ thể đang làm	Thu nhập của tháng bị mất việc làm	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Số CMND/CCCD	Ngày cấp (ngày tháng năm)		Thường trú	Tạm trú (nếu có)					
1													
2													
...													
	Cộng												

(Tổng số tiền hỗ trợ bằng chữ:)/.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2021
Ủy ban nhân dân Xã/Phường/Thị trấn.....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(1) Đánh dấu (X) vào ô Thường trú hoặc Tạm trú; trường hợp tạm trú phải có đăng ký tạm trú được cơ quan công an xác nhận.

* Mẫu này áp dụng cho công tác xét duyệt và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã

UBND

.....

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (LAO ĐỘNG TỰ DO)
BỊ MẤT VIỆC LÀM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19**

(Đối với Người lao động làm việc trong các khu vui chơi giải trí; trong các khu luyện tập thể thao; lao động làm thuê tại hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp – Nhóm 1)

(Kèm theo Tờ trình số:/TTr-UBND, ngày tháng năm 2021 của)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		CMND/CCCD		Địa chỉ			Tình trạng cư trú ⁽¹⁾		Điện thoại liên hệ	Công việc cụ thể đang làm	Thu nhập của tháng bị mất việc làm	Tên hộ KD/đơn vị nơi LĐ làm thuê, địa chỉ	Số tiền đề nghị hỗ trợ	
		Nam	Nữ	Số CMND/CCCD	Ngày cấp (ngày tháng năm)	Số nhà, tên đường, khu phố/ấp	Xã/phường/thị trấn	Quận/huyện/thành phố	Thường trú	Tạm trú (nếu có)						
1																
2																
...																

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2021

T.M. Ủy ban nhân dân.....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(1) Đánh dấu (X) vào ô Thường trú hoặc Tạm trú; trường hợp tạm trú phải có đăng ký tạm trú được cơ quan công an xác nhận (chủ sử dụng lao động chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc có giấy xác nhận này).

UBND.....

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
 CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (LAO ĐỘNG TỰ DO)
 BỊ MẤT VIỆC LÀM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19**

(Đối với người lao động tự làm công việc (không phụ thuộc vào hộ kinh doanh, cơ sở kinh doanh) như: Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; Thu gom rác, phế liệu; Bốc vác, chuyển hàng hóa; Lái xe mô tô hai bánh chở khách (xe ôm); Tự làm trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp – Nhóm 2)

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND..... ngày tháng năm 2021 của)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		CMND/CCCD		Địa chỉ (số nhà, tên đường, tổ/thôn/bản)	Tình trạng cư trú ⁽¹⁾		Điện thoại liên hệ	Công việc cụ thể đang làm	Thu nhập của tháng bị mất việc làm	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Số CMND/CCCD	Ngày cấp (ngày tháng năm)		Thường trú	Tạm trú (nếu có)					
1													
2													
...													
	Cộng												

(Tổng số đối tượng:.....; tổng số tiền hỗ trợ bằng chữ:)/.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2021
T.M. Ủy ban nhân dân
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(1) Đánh dấu (X) vào ô Thường trú hoặc Tạm trú; trường hợp tạm trú phải có đăng ký tạm trú được cơ quan công an xác nhận.